

MỘT VÀI BIẾN ĐỔI LỊCH SỬ CỦA PHỤ ÂM ĐẦU TIẾNG VIỆT QUA VỐN TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG NGHỆ TĨNH

TRINH CẨM LAN¹

Abstract: The paper aims to reconstruct some historical phonetic change processes in Vietnamese onsets. Based on lexical data from 2 dictionaries of Nghe Tinh dialect, with the method of synchronic description and historical comparison, the paper tried to identify some correspondences between fossils in Nghe Tinh dialect with words currently used in the Northern dialect. To support the reconstruction of the onsets, these data were compared with the data from the Muong language and previous research on the onsets origins. The historical phonetic change processes presented in the paper include spirantization (*b > v, *th > d/gi, *tr > s, *th > s/x, *tr > l) and spirantization along with sonorization (*ph > v, *k > g, *ch > d/gi, *tr > d/gi). The presentation will hopefully promote further research to record and preserve the features of the conservative dialects, particularly as they face the threat of disappearance in the rapid modern period of urbanization and dialect homogenization.

Keywords: *Nghe Tinh dialect, ancient word, ancient consonant, spirantization, sonorization, nasalization*

1. Đặt vấn đề

“Khi nghiên cứu sự khác nhau về từ vựng giữa các phương ngữ, ta phải phân biệt hai lĩnh vực khác hẳn. Thứ nhất, sự khác nhau này là do bản thân sự phát triển lịch sử của ngữ âm tiếng Việt mà có. Vì đây là kết quả của sự phát triển nội bộ của tiếng Việt, của những quy luật ngữ âm lịch sử có tính chất đều đặn, nhất loạt, cho nên những từ khác nhau chẳng qua là biểu hiện của bản chất: những quy luật ngữ âm lịch sử... Ngoài ra, còn có những từ khác nhau hoàn toàn vì xuất phát từ những nguồn gốc khác nhau” [3, tr.100-101].

Sự khác biệt phương ngữ giữa tiếng Việt vùng Nghệ Tĩnh với tiếng Việt phương ngữ Bắc là điều xưa nay chưa ai phủ nhận. Hệ thống từ vựng địa phương Nghệ Tĩnh là một hệ thống phong phú, giàu có nhất mà hầu như chưa có địa phương nào ở nước ta có được. Bảng từ của hai cuốn từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh mà chúng tôi có dịp khảo sát đã cho thấy điều này: *Từ điển tiếng Nghệ* của hai tác giả Trần Hữu Thung và Thái Kim Định có 34 mục chữ cái với tổng số 2.979 mục từ [9]; *Từ điển tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh* do Nguyễn Nhã Bản chủ biên, có 30 mục chữ cái với tổng số 5489 mục từ [1]. Bên cạnh vốn

¹ PGS.TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

từ địa phương phong phú ấy, Nghệ Tĩnh còn được xem là một vùng phương ngữ cổ xưa. Tính chất cổ xưa này được cho là do nhiều lưu tích của các quá trình biến đổi ngữ âm trong lịch sử tiếng Việt còn được giữ lại nơi đây. Thật vậy, *có thể coi đây là một kho tàng cứ liệu có thể giúp ích rất nhiều cho việc nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt giai đoạn khá xa xưa từ cách đây 500 năm trở lên* [2, tr.14]. Nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đồng tình rằng đây là một vùng bảo lưu rất nhiều nét cổ xưa, có thể xem là một kho tàng cứ liệu giúp ích cho việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt ([3, tr.102]; [4, tr.261]; [12]; [7],...). Vốn từ vựng địa phương Nghệ Tĩnh đã góp phần giúp giải mã các quá trình phát triển lịch sử tiếng Việt cũng như những tiếp xúc ngôn ngữ - văn hoá - tộc người đã từng diễn ra trong lịch sử hình thành và phát triển của đất nước nói chung, của vùng Khu IV nói riêng.

Bài viết đặt mục tiêu tái lập một vài quá trình biến đổi ngữ âm lịch sử của phụ âm đầu tiếng Việt. Dựa trên dữ liệu từ vựng được lấy từ 2 cuốn từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh, với phương pháp miêu tả đồng đại kết hợp so sánh lịch sử, bài viết đã xác lập hàng loạt tương ứng giữa các từ cặn trong tiếng Nghệ Tĩnh với các từ hiện được sử dụng trong tiếng Việt ở phương ngữ Bắc. Để truy nguyên nguồn gốc các phụ âm đầu, bài viết sử dụng thêm dữ liệu đối chiếu với tiếng Mường, dữ liệu về lai nguyên các phụ âm đầu mà các nhà nghiên cứu đi trước đã công bố để hỗ trợ những kết quả khảo cứu về những biến đổi mà dấu vết của chúng vẫn đang được lưu giữ trong vốn từ địa phương Nghệ Tĩnh.

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Về tư liệu, chúng tôi khảo sát vốn từ địa phương trong hai cuốn từ điển vừa nêu với 2.979 mục từ trong cuốn *Từ điển tiếng Nghệ* [9] và 5.489 mục từ trong cuốn *Từ điển tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh* [1]. Hai cuốn từ điển bổ sung cho nhau và cho nghiên cứu này nguồn tư liệu là khoảng gần 6.000 mục từ.

Tuy nhiên, nghiên cứu có một vài giới hạn về mặt tư liệu. Đó là, trong số các mục từ trên đây, sẽ có một số mục từ chúng tôi không xem là đối tượng khảo sát:

1) Những từ đã gia nhập vốn từ vựng toàn dân như *ăn dè, ăn chực, cào* [1], hay *a dua, ăn chắc, ăn đông, úa...* [9];

2) Những từ không phải là từ đơn (có thể là từ ghép, thậm chí là tổ hợp từ).

Lí do là vì đối với những từ đã gia nhập vốn từ vựng toàn dân thì chúng không còn đảm bảo được tính “địa phương”, nghĩa là sự khác biệt mang tính phương ngữ nữa. Còn việc chỉ khảo sát các từ đơn thì lí do là vì khi xác lập những diễn biến lịch sử đã diễn ra với các từ, việc tìm về nguồn gốc từ nguyên của từ là một yêu cầu mang tính phương pháp luận. Các từ ghép hay tổ hợp từ có thể có hơn một nguồn gốc từ nguyên và như vậy sẽ không thể xác định nguồn gốc thực sự của chúng. Về mặt lí thuyết, từ nguyên không chỉ

là nguồn gốc của từ mà còn là sự phát triển của nó trong thời gian. Từ nguyên thường sẽ cho biết từ lần đầu tiên xuất hiện vào thời kì nào, nghĩa của nó ra sao, cách đánh vần như thế nào, nếu nó được vay mượn thì vay mượn từ những ngôn ngữ nào... Do đó, từ nguyên sẽ cung cấp manh mối về các mối quan hệ của nó với những từ khác, cả những manh mối về lịch sử của ngôn ngữ và nền văn hóa đó (William J. Frawley 2003: 7).

Về phương pháp, chúng tôi thực hiện theo các bước sau:

1) Thống kê những cặp từ tương ứng mang tính đồng loạt, chẳng hạn: *báp - váp, ban - vai, bui - vui, bá - vá, bầu - véo, bả - vả* hay *ca - gà, com - gom, cúi - gói, cắm - gặm, cạp - gặm, cân - gằn, cọng - gọng (vó), cộc - gốc, cội - gốc, cuốc - guốc, cương - gương, kẹ - ghe...*

2) Xác lập các tương ứng âm vị học giữa các cặp từ đó.

3) Xác định nguồn gốc từ nguyên của từ thông qua việc xác định hình thức của từ đó trong các ngôn ngữ họ hàng.

4) Dựa vào niên đại chia tách ngôn ngữ mà các nhà nghiên cứu đi trước đã xác lập để xác định độ sâu lịch sử những biến đổi ngữ âm của tiếng Việt.

5) Dùng cứ liệu của các nhà nghiên cứu đi trước để so sánh, tìm kiếm thêm luận cứ hỗ trợ hay phản bác những tương ứng âm vị học được cho là sự phản ánh những biến đổi ngữ âm lịch sử trong tiếng Việt.

3. Kết quả và thảo luận

Theo các bước trên đây, chúng tôi đã xác lập được một số biến đổi ngữ âm lịch sử ở cả hệ thống phụ âm đầu, nguyên âm và thanh điệu tiếng Việt. Chúng tôi đã có dịp trình bày về một số biến đổi ở hệ thống nguyên âm, cụ thể là các nguyên âm đôi (Trịnh Cẩm Lan, 2023) và trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày một vài biến đổi ở các phụ âm đầu tiếng Việt còn được lưu lại trong nhiều từ cặn ở vốn từ địa phương Nghệ Tĩnh. Đối với hệ thống phụ âm, khi nghiên cứu, xác lập các tương ứng âm vị học lịch sử, chúng tôi đã tìm thấy nhiều bằng chứng thể hiện các quá trình xát hoá (xảy ra ở các phụ âm tắc), hữu thanh hoá (xảy ra ở các phụ âm vô thanh), xát hoá đi đôi với hữu thanh hoá (xảy ra ở các phụ âm tắc vô thanh), vô thanh hoá (xảy ra ở các phụ âm hữu thanh), mũi hoá (xảy ra ở các phụ âm vô thanh, không mũi). Một vài quá trình trong số này đã được Hoàng Thị Châu dẫn làm ví dụ khi miêu tả đặc điểm của phương ngữ Trung nhưng bà chỉ dẫn một vài ví dụ chứ chưa tập hợp các biến đổi thành hệ thống [3, tr.102]. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày hai quá trình xát hoá và xát hoá đi đôi với hữu thanh hoá một cách có hệ thống với tất cả những biến đổi đã từng diễn ra và lưu lại dấu vết trong tiếng Nghệ Tĩnh. Các biến đổi còn lại sẽ được trình bày trong một bài viết khác.

3.1. Quá trình xát hoá (spirantization)

(1) Biến đổi $*p/b > v$:

Dấu vết của quá trình này được lưu giữ ở 20 biến thể cổ có $*b$ trong 2 cuốn từ điển được khảo sát và tương ứng là v trong phương ngữ Bắc (*bấp* - *vấp*, *ban* - *vai*, *bui* - *vui*, *bá* - *vá*, *bầu* - *véo*, *bả* - *vả* (*tát*)...).

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Tiếng Cuối	Proto VM
vai	va:j ³³	ba:n ³³	ba:j ³³	ba:j ³³ , pa:j ³³	vaj ³² , pək ²⁴	*pjalA
vá	va ²⁴	ba ²⁴	ba ²⁴	ba ³²³ , pa ³²³	va ²⁴ , pa ²⁴	*paB
vả	va ³¹	ba ²²	-	ba ³⁵ , pa ³⁵	-	*baC
vấp	vǽp ³⁵	bǽp ³⁵	-	bấp, pấp	vǽp ²⁴	*pǽpD
vui	vu:j ³³	bu:j ³³	bui	buj ³³ , puj ³³	vuj ³² , puj ³⁵	*pujA

Bảng trên cho thấy một quang cảnh biến đổi khá thú vị. Các từ cặn trong tiếng địa phương Nghệ Tĩnh vẫn lưu giữ phụ âm đầu b của thế kỉ XVII qua Từ điển Việt - Bồ - La (1651) và sâu hơn, phụ âm đầu b hiện vẫn còn được lưu giữ trong tiếng Mường. Tuy nhiên, biến thể p còn lại trong tiếng Mường và p trong Proto Việt Mường lại cho thấy một lịch sử sâu hơn nữa từ một $*p$ nguyên thủy. Dữ liệu hiển thị một con đường đi $*p > *b > v$ khá rõ theo thời gian.

Những từ cặn trong tiếng Nghệ Tĩnh thể hiện biến đổi này cũng được xác nhận qua nghiên cứu của Hoàng Thị Châu [3, tr.102], Nguyễn Tài Cẩn [2, tr.61], qua các danh sách đối chiếu các từ có nguồn gốc Việt - Mường của Vũ Đức Nghiệu [7, tr. 58, 61, 67, 69]. Các biến thể cổ này cũng được Trần Trí Dõi chỉ ra là hiện vẫn tồn tại trong tiếng Mường (tương ứng Việt - Mường) như: *ba* - *pa*, *bốn* - *puốn*, *buồn* - *puồn*, *bụi (cây)* - *pùi (cây)*, *bảy* - *pải*... [5, tr.152]; rồi *vôi* - *pôi*, *vui* - *puj*... [5, tr.160]. *Từ điển Mường - Việt* của Nguyễn Văn Khang ghi nhận trên 60 đơn vị từ đơn tiết có tương ứng p (Mường) - b/v (Việt) [5, tr.360-379]. Theo Hoàng Thị Châu, những từ cặn kiểu này cũng đã được Maspero sử dụng làm tư liệu nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt từ đầu thế kỉ XX (1912). Một số phục nguyên Proto Việt Mường có tương ứng $*b - v$ ($*tpel/*bel$ - *vé*, $*bul$ - *vùi*), và phục nguyên Proto Môn Khmer cũng có ($*[?]bo?$ - *vợ*, $*kpaas$ - *vải*, $*pah$ - *vả*, $*pəc$ - *vát (vút)*) [7, tr.71, 74] chứng tỏ phụ âm cổ $*b/*p$ có lịch sử khá sâu trong tiếng Việt. Dù tiếng Việt đã trải qua hàng nghìn năm biến đổi và phát triển nhưng việc lưu giữ phụ âm cổ này trong các từ cặn đã dẫn cho thấy tính chất cổ xưa của vùng phương ngữ Nghệ Tĩnh.

(2) Biến đổi *th > gi/r:

Biến đổi này còn lưu lại trong 6 tương ứng (*thốt - giột, thỏ - dỏ (em, cháu), thỏ - giữ (chiếu), thông - giỏi, thu - giầu (tiền), thụt - rụt*).

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Tiếng Cuối
giột	zot ²¹	t'ot ⁴⁵	-	zo ³²³	zuot ⁵⁴
giữ	zu ³⁵	t'o ³¹	giữ	zuŋ ³²³	-
giầu	zəw ²⁴	t'u ³²³	giầu	cu ³²³ /t ^h u ³²³	-

Trong các tương ứng th - gi/d mà Hoàng Thị Châu tìm thấy, có cặp (*mưa*) *thâm* - (*mưa*) *dầm* [3, tr.102] chúng tôi không thấy xuất hiện trong cả 2 cuốn từ điển, các tương ứng còn lại đều có. Khi tìm lai nguyên của d, Nguyễn Tài Cẩn có nhắc đến hàng loạt từ có d được phát âm là đ ở vùng Khu IV và cho biết mô hình D (Đ) này trong cứ liệu Nôm cổ có tới 70 trường hợp, chưa kể cứ liệu gốc Hán cũng cho thấy nhiều khả năng tương ứng [2, tr.63]. Ngoài ra, lưu tích *t cũng được Nguyễn Tài Cẩn ghi nhận. Tương tự, trong các lai nguyên của gi, ở nhiều nguồn khác nhau như Từ điển Việt Bồ La thế kỉ XVII, các từ cổ Hán Việt và Hán Việt, các từ phục nguyên của Võ Xuân Trang, các từ có nguồn gốc Mường, Pong, Chứt và cả Proto Môn - Khmer, Nguyễn Tài Cẩn chỉ thấy lưu tích *ch và *s ở một số thổ ngữ Mường vùng Nghệ An. Nguồn gốc *th của gi/d hoàn toàn không được Nguyễn Tài Cẩn nhắc đến. Các bảng đối chiếu tương ứng Việt với Việt Mường và Việt với Proto Môn - Khmer của Vũ Đức Nghiệu cũng không ghi nhận lưu tích *th của gi/d, chỉ có một từ duy nhất là “roi” (Việt) có tương ứng là “t^halooy” (có hiện diện phụ âm bật hơi) trong tiếng Thà Vượng [7, tr.66] nhưng “roi” ở đây lại không phải từ địa phương Khu IV.

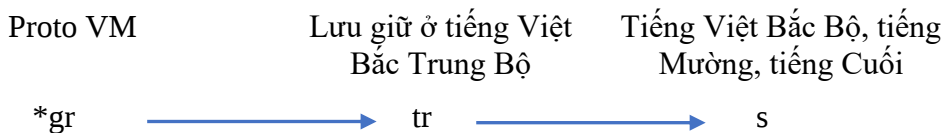
Khảo sát *Từ điển Mường - Việt* (Nguyễn Văn Khang), chúng tôi tìm thấy 12 trường hợp từ đơn tương ứng th Mường - d/gi/r Việt: *tha - ra, thành - rấn, thảo - ráo, (củ) thảy - (củ) ráy, thắm - rắm, thặng - rặng, thấp - dấp (nước), thét - rét, thui - rui/dui (mè), thúi - rúi, thừa - rửa...* Tuy vậy, 6 tương ứng được tìm thấy trong hai cuốn từ điển từ địa phương không có trường hợp nào trong số 12 từ đơn tìm thấy trong *Từ điển Mường - Việt*. Các từ có tương ứng trong từ điển tiếng địa phương và từ điển Mường - Việt đều thuộc trường nghĩa chỉ bộ phận cơ thể hoặc chỉ đời sống của cư dân nông nghiệp chứng tỏ chúng là những từ cơ bản đã có mặt đầu tiên trong hai ngôn ngữ này, có lẽ từ những tiền thân của chúng. Như vậy, dù chưa được nhiều người trong giới nghiên cứu thừa nhận hay nhắc đến nhưng sự tương ứng giữa một phụ âm th trong tiếng Mường và các phụ âm d/gi/r trong tiếng Việt là có thật và những từ căn chứa th đã dẫn trong tiếng Nghệ có thể là lưu tích của một phụ âm *th trong tiếng Việt Mường hiện vẫn tồn tại trong tiếng Mường và một số thổ ngữ Khu IV trong đó có tiếng Nghệ Tĩnh.

(3) Biến đổi *tr > s:

Chúng tôi tìm thấy khoảng trên 40 tương ứng dạng như *trài - sài, treo - sèo, trộm - sộm, trội - sọi, trọ - sọ...* trong 2 từ điển, Có thể nói, đây là tương ứng được giữ lại trên một số lượng từ phong phú nhất trong tiếng Nghệ Tĩnh. Tuy vậy, nghiên cứu của Hoàng Thị Châu không ghi nhận tương ứng này. Khi đi tìm lai nguyên của s, Nguyễn Tài Cẩn đã chỉ ra lưu tích của s Hán Việt là *th còn lưu tích của s thuần Việt là một tổ hợp phụ âm. Sau rất nhiều phân tích, giả định, loại trừ, Nguyễn Tài Cẩn đã đi đến một lưu tích của s mà ông cho có lí hơn cả là *tr (còn trước *tr lại là *tl). Theo ông, vùng phương ngữ Khu IV mà hạt nhân là tiếng Nghệ Tĩnh đã hình thành bản sắc riêng, khác hẳn tiếng Việt Bắc Bộ từ cách đây chừng 500 năm. Vùng này có nhiều từ nay phát âm là TR trong khi Bắc Bộ phát âm là S như: *cái trào - cái sào, con tráo - con sáo, trâu răng - sâu răng, cái treo - cái sèo, tròng tru - sùng trâu...* [2, tr.111]. Các cứ liệu tìm thấy trong *Từ điển Mường - Việt* (hàng trăm tương ứng *tl - *tr) và *Từ điển Việt Bồ La* (trên 40 tương ứng *tl - *tr) ủng hộ mạnh mẽ lưu tích *tr của s.

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Tiếng Cuối	Proto VM
sài	ʃaj ³²	ʈaj ²²	sài	saj ³²	-	*grajA
sèo	ʃɛw ²¹	ʈɛw ²²	sêu	ʃɛw ²¹	sɛw ⁵⁴	*grɛwB
sọi (dây)	ʃɔj ²¹	ʈɔj ²²	sọi	k ^h ɔj ²¹	ʃɔj ⁵⁴	*grɔjB
sập	ʃɔp ²¹	ʈɔp ²¹	-	sɔp ²¹ , k ^h rɔp ³¹	sɔp ⁵⁴ , k ^h rɔp ³¹	*grɔpD

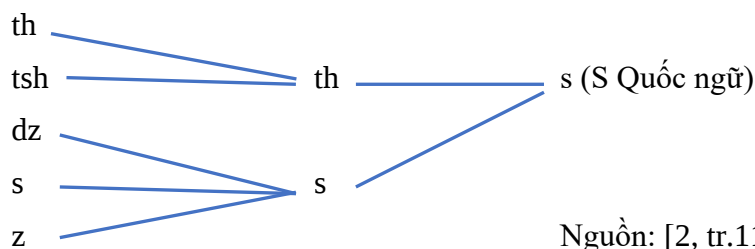
Tuy nhiên, có thể thấy rằng hàng loạt các dữ liệu từ *Từ điển Việt Bồ La* (1651), tiếng Mường, tiếng Cuối lại cho thấy nếu có một sự biến đổi từ một âm cổ nào đó thành s thì sự biến đổi ấy phải hoàn tất muộn nhất là vào thế kỉ XVII, còn nếu sớm hơn thì có thể đã hoàn tất vào thời kì Việt Mường chung. Và như vậy, giai đoạn trung gian *gr > tr (nếu có) thì phải diễn ra sớm hơn, vào khoảng trước hoặc xung quanh thời Việt Mường chung, sau đó tiếng Việt Bắc Bộ, tiếng Mường, các phương ngữ Cuối có thể đã đi đến cùng sự biến đổi (thành s) còn tiếng Việt Bắc Trung Bộ thì dừng lại ở tr và lưu giữ đến tận ngày nay. Lập luận này cho phép hình dung về một lịch sử sâu hơn có thể diễn giải qua sơ đồ sau:



(4) Biến đổi *th > s/x:

Biến đổi này còn lưu lại trong 7 tương ứng (*tho - so (đuã), thoa - xoa (dầu), (một) thiu - (một) xiu, thàm - xàm, thú - sú, thoe - xe (điếu), thúng mụi - sổng mũi*). Nghiên cứu

của Hoàng Thị Châu không ghi nhận biến thể cổ này. Còn Nguyễn Tài Cẩn, khi đi tìm lai nguyên của s, đã lưu ý về sự phân biệt Hán Việt - thuần Việt đối với những từ có s. Theo ông, khoảng 2/3 số từ Hán Việt có s đã có dạng hiện đại từ rất sớm (cách đây khoảng 1000 năm). Có tới gần 80% đã được người Việt phát âm với s ngay từ khoảng thế kỉ VII, VIII, khoảng 1/3 còn lại được phát âm là một âm bật hơi t^h [2, tr.109]. Nguồn gốc và quá trình diễn biến thành s Hán Việt đã được Nguyễn Tài Cẩn biểu diễn như sau:



Nguồn: [2, tr.110]

Đó là với lớp từ Hán Việt, còn với lớp từ thuần Việt có s, Nguyễn Tài Cẩn cho biết lai nguyên của s là một tổ hợp phụ âm. Ông đã so sánh với các thổ ngữ Mường và phục nguyên được một số tổ hợp phụ âm bật hơi tương ứng như *ph, *kh, *th rải rác ở một số thổ ngữ Mường từ Sơn La đến vùng Mường Nghệ An [2, tr.111] và đặc biệt là lưu tích *tr với lượng từ cặn đậm đặc ở Khu IV như trên đã dẫn ở [(3) *tr > s].

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Proto VM
so (đuă)	ʂo ³³	tʰo ³⁵	so	so ³³	-
xoa	swa ³³	tʰwa ³⁵	xoa	swa ³³	**CwaA
xíu	siw ²⁴	tʰiw ²⁴	-	siw ²⁴	-
sống (mũi)	ʂoŋ ²⁴	tʰuŋ ²⁴	sóu mũi	kʰoŋ ²⁴ , soŋ ²⁴	-

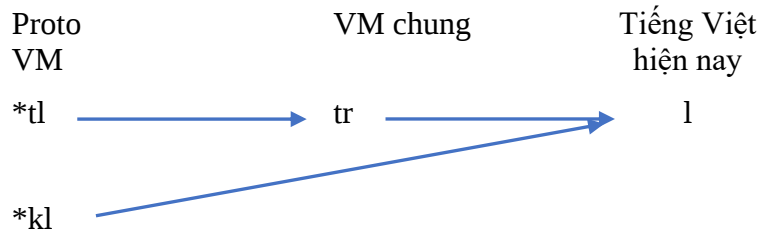
(5) Biến đổi *tr > l:

Biến đổi này còn lưu lại ở 11 từ đơn tiết trong hai cuốn từ điển (qua các tương ứng: trém - lém, trứu tro - lúu lo, trản - lản, troét - loét, trôi - lòi, tròng - lòng, tróng - lóng, trèo - leo, trạch - lạch, trệt - liệt, trôi - lòi).

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Proto VM
lòng	lõŋ ³²	tõŋ ³²	làõ	lo:ŋ ³²	*k.loŋA
loét	lwet ⁴⁵	tʰwet ⁴⁵	-	lwet ⁴⁵	-
lòi	løj ³²	tøj ³³	lòi	løj ³²	*k.løjA
lém	lem ²⁴	tɛm ¹¹	-	lɛ:ŋ ³³ (mom ³²)	*k.lemB

Hoàng Thị Châu không ghi nhận các từ căn với biến thể cổ này. Các biến đổi trong lịch sử tiếng Việt mà Trần Trí Dồi chỉ ra cũng không có biến đổi này. Các kết quả đối chiếu, phục nguyên của Vũ Đức Nghiệu cũng không ghi nhận nguồn gốc *tr của l.

Nguyễn Tài Cẩn khi tìm lai nguyên của l đã cho thấy về mặt nguồn gốc, từ Hán Việt có L bắt nguồn từ thanh mẫu *Lai**, từ thuần Việt bắt nguồn từ một âm *l cổ đại hoặc thỉnh thoảng từ một âm lướt *-l- do yếu tố đầu trong tổ hợp phụ âm bị rơi rụng [2, tr.120]. Tuy nhiên, khi đối chiếu L thuần Việt với nhóm Pọng, Chứt, thậm chí đến Sách, Rục thì tình hình phức tạp hơn ở một vài trường hợp. Theo ông, có thể tái lập được tổ hợp *ml (theo Nguyễn Tài Cẩn) hoặc *sl (theo M. Felus). Nguyễn Tài Cẩn không nhắc đến lưu tích *tr của l. Tuy nhiên, khảo sát Từ điển Mường Việt, chúng tôi tìm thấy rất nhiều cặp tương ứng *tl - tr (*tlǎng - trắng, tlǎm - trǎm...*) và một số cặp tương ứng *tl - l (*tlēnh - lánh, tlôi - lôi...*). Từ điển Việt Bồ La cũng ghi nhận cả hai kiểu tương ứng (*tl - tr: *tle - tre, tlēn - trên, tleo - treo...*; và *tl- l: *tlúu tlo - lúu lo, tlóm mắt - lóm mắt...*). Có thể phán đoán là từ một tổ hợp phụ âm *tl cổ từng tồn tại trong tiếng Việt - Mường, sang giai đoạn chia tách, một số từ đã biến đổi *tl > tr, một số khác biến đổi *tl > l, và có thể một số theo mô hình *tl > tr > l và dạng thức trung gian của biến đổi này đã lưu lại ở nơi mà Việt - Mường chia tách muộn nhất (Khu IV). Tuy nhiên, kết quả phục nguyên Proto Việt Mường giả định một quá trình phức tạp hơn từ hai tổ hợp phụ âm cổ *tl và *kl và dạng trung gian đã trải qua ở thời kì Việt Mường chung hiện vẫn còn được giữ lại trong tiếng Nghệ Tĩnh:



3.2. Quá trình xát hoá đi đôi với hữu thanh hoá (spirantization and sonorization)

(1) Biến đổi *ph > v:

Biến đổi này còn dấu tích ở 7 tương ứng được tìm thấy trong 2 cuốn từ điển (*phản - ván, phẩy - vẩy/vảy, phẫm - vẫm, phốt/phót - vọt, phúng - vụng, phở - vỡ, phổ - vồ*)². Hoàng Thị Châu ghi nhận nhiều từ căn thể hiện biến đổi này trong phương ngữ Trung [3, tr.102]. Nguyễn Tài Cẩn khi đi tìm lai nguyên của v cũng chỉ ra *p/*ph là một trong hai nguồn gốc [2, tr.60-61]. Tuy nhiên, khi bàn về lai nguyên của v, Nguyễn Tài Cẩn cũng chỉ ra tính chất

² Theo Hoàng Thị Châu, *ph ở vùng Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên được ghi nhận là một phụ âm môi môi, tắc, bật hơi [3, tr.138]. A de Rhodes đã miêu tả trong phần mở đầu cuốn từ điển của ông rằng ph “khi đọc hay nói thì nhếch môi một cách nhẹ nhàng với một chút hơi thờ ra” chứ không phải giề hai môi như f” (A de Rhodes, 1991: 6). Vì vậy, trong từ điển, ông đã ghi là ph chứ không ghi là f để thể hiện cách phát âm bật hơi đó.

phức tạp, nước đôi của nó, đặc biệt là ở vùng Khu IV. Theo ông, vùng này còn lưu giữ cả hai biến thể cổ của *v* là **ph* và **b*. Vì quá trình **b > v* kéo dài nên hiện nay, ngay cả ở miền Bắc có lúc, có nơi cũng vẫn còn cả hai biến thể. Quá trình biến đổi **ph > v* cũng được Vũ Đức Nghiệu ghi nhận khi đối chiếu các từ có nguồn gốc Việt Mường và Môn - Khmer [7, tr.58, 59, 67, 69, 71]. Và như vậy, những từ cần được ghi lại trong hai cuốn từ điển là dấu tích của một phụ âm cổ bật hơi **ph* đã tồn tại trong các ngôn ngữ Môn - Khmer, rồi đến tiếng Việt - Mường, các phương ngữ Cuối Thái Hoà và Quý Hợp (Nghệ An) theo dữ liệu của Nguyễn Hữu Hoành và nay vẫn còn lưu lại trong tiếng Việt ở một nơi mà Việt - Mường chia tách muộn nhất. Dữ liệu phục nguyên Proto Việt Mường cũng hoàn toàn phù hợp với quá trình này. Một vài ví dụ:

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	Tiếng Mường	Tiếng Cuối	Proto VM
vằm	vəj ³⁵	p ^h ăm ³³	bằm, pằm	băm ³² , p ^h ăm ³⁵	*pjămA
(ăn) vụng	vuŋ ²¹	p ^h uŋ ¹¹	vụng	vũŋ ⁵⁴ , vơŋ ²⁴	*puŋB
vỡ (đất)	vɤ ³⁵	p ^h ɤ ³¹	pế, vớ (đất)	-	*pɤ:C
vỗ (tay)	vo ³⁵	p ^h o ³¹	vố	vuo ²¹²	*vo:C

(2) Biến đổi **k > g*:

Biến đổi này còn dấu tích ở 10 từ đơn tương ứng được tìm thấy trong 2 cuốn từ điển (*ca - gà, com - gom, cúi - gói, cắm - gặm, cạp - gặm, cân - gằn, cọng - gọng (vó), cộc - gốc, cội - gốc, cuốc - guốc, cuơng - gương, kẹ - ghe/ghé (ăn), keec - gach*). Hoàng Thị Châu ghi nhận nhiều từ cần thể hiện biến đổi này trong phương ngữ Trung [3, tr.102]. Theo Nguyễn Tài Cẩn, lịch sử của *g* khá đơn giản. Từ điển Việt Bồ La, tư liệu tiếng Hán đời Minh qua *Annam dịch ngữ* đều ghi là *g*. Tư liệu chữ Nôm cổ cũng cho thấy mô hình biến đổi *g (k)* khá thống nhất. Tổng số 165 chữ trong từ điển Nôm, mô hình *g (k)* chiếm tới 150 chữ [2, tr.69]. Nguyễn Tài Cẩn cũng chỉ ra rằng, tư liệu phương ngữ Khu IV cũng phù hợp: **k, *g* tiếng Việt cổ đại đều nhập thành *K*, rồi từ *K* mới có một số trường hợp biến đổi thành *G*. Cứ liệu so sánh với tiếng Mường, cho đến các ngôn ngữ Việt Chút và Proto Môn - Khmer cũng không hề mâu thuẫn [2, tr.69-70]. Cứ liệu đối chiếu Việt - Mường của Vũ Đức Nghiệu cũng ghi nhận 12 cặp tương ứng *k - g* giữa Việt với nhóm Việt - Mường chỉ trong lớp từ cơ bản [7, tr.57-70]. Như vậy, rõ ràng **k* được lưu lại trong *ca, com, cúi, cắm, cạp...* ở tiếng Nghệ là dấu vết của một phụ âm có thể đã tồn tại trong tiếng Việt từ thời cổ đại, hoặc trong tiếng Việt ở giai đoạn tiếp theo mà tiếng Nghệ Tĩnh đã lưu giữ.

(3) Biến đổi **ch > d/gi*:

Biến đổi này còn lưu lại ở 12 từ đơn tiết trong hai cuốn từ điển (*chạc - dây, chạng - dạng (chân), chi - gì, chiếu - giềng, châu - đạo/dịp, chè - rào (vườn), chiếu - giả, chú - rắm, chụi - dụi (mắt), chừ - giờ, chương/chơng - giường, rau chên - rau giềng*).

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Tiếng Cuối	Proto VM
gì	zi ³²	ci ³⁵	gì	ci ³³	zi ³² , ci ³⁵	*ciA
giờ	zɿ ³²	cui ³³	giờ	ni ³²	zuɿ ³² , cɿ ⁵³	*dzɿA
giường	zuɿŋ ³²	cɿŋ ³³	giường	cuaŋ ³² , zuɿŋ ³³	zuɿŋ ³³ , cɿŋ ⁵³	*juɿŋA
giếng	zien ²⁴	ciɿ ³¹	gyếng	zien ²⁴ , ciɿ ³¹	zien ²⁴ , cuaŋ ^{31?}	*ciɿŋB

Hoàng Thị Châu cũng ghi nhận một vài biến thể cổ trong phương ngữ Trung như *chi* (gì), *chừ* (giờ), *chờng* (giường), *rau chên* (rau giեն) có ch tương ứng với d/gi trong phương ngữ Bắc [3, tr.102]. Bà cho rằng *k (kj) và *ch (chj)³ là những phụ âm tắc - nổ, vô thanh, ngạc hoá mạnh như là có âm i lướt theo sau phụ âm. Theo bà, chj và kj đã từng lưu hành rộng rãi trên cả miền Bắc ở khoảng thế kỉ XV trở về trước, sau đó chúng còn trải qua một quá trình xát hoá và hữu thanh hoá để trở thành các phụ âm d/gi và g mà A de Rhodes đã ghi lại ở thế kỉ XVII (Từ điển 1651). Nguyễn Tài Cẩn cũng chỉ ra rằng lai nguyên của d/gi có thể thấy ở lưu tích *ch trong một số thổ ngữ Mường vùng Nghệ An [2, tr.63-69].

Khảo sát *Từ điển Mường - Việt* (Nguyễn Văn Khang), chúng tôi tìm thấy 27 từ đơn tiết có tương ứng ch Mường - d/gi Việt như *chi* - gì, *chăng* - giăng (*chân*), *chẽ* - giẻ (*lau*), *chiếng* - giếng... [6, tr.60-100]. Tư liệu các phương ngữ Cuối Nghệ An của Nguyễn Hữu Hoành vẫn lưu đầy đủ dấu vết của phụ âm *ch cổ xưa này và quá trình biến đổi đến thế kỉ XVII thì được ghi nhận là đã hoàn tất. Như vậy, dữ liệu Mường, các phương ngữ Cuối Thái Hoà và Quỳnh Hợp, đặc biệt là dữ liệu phục nguyên Proto Việt Mường đều cho thấy sự tồn tại của một phụ âm *ch cổ xưa trong diễn biến lịch sử phụ âm đầu tiếng Việt.

Như vậy, các thổ ngữ Bắc Bình Trị Thiên đang giữ lại những phụ âm *chj và *kj của thế kỉ XV trở về trước [3, tr.145]. Việc lưu giữ những yếu tố ngữ âm được nói từ cách đây 6 thế kỉ quả là một bằng chứng mạnh về nét cổ xưa của phương ngữ này mà gần như không nơi nào khác trên lãnh thổ Việt Nam còn giữ được.

(4) Tương ứng tr ~ gi

Có 18 từ căn mang biến thể cổ *tr được tìm thấy trong 2 cuốn từ điển. Có thể hình dung biến đổi này qua các ví dụ sau:

³ Cách ghi của Hoàng Thị Châu để ghi lại nét cấu âm ngạc hoá mạnh. Tuy nhiên, ngay sau đó bà cũng có lưu ý rằng “Gọi ngạc hoá trong trường hợp này không hẳn là đúng vì ch chính là phụ âm ngạc và k là phụ âm mặc, nếu k ngạc hoá thông thường là thành ch” [3, tr.143].

Phương ngữ Bắc	IPA	Tiếng Nghệ	TĐVBL 1651	Tiếng Mường	Tiếng Cuối	Proto VM
giận	zoj ³²	ʈoj ³⁵	gệ	zu ³¹	zǎn ⁵⁴ , cǎn ^{31?}	-
giun	zun ³³	ʈun ³³	-	k ^h un ³³ , zun ³³	run ³³	*krunA
giữa	zuw ³⁵	ʈuw ³¹	giữa	zuw ³² , k ^h uw ³²	k ^h rw ^{31?}	*kruwC
(bà) già	za ³²	ʈa ³⁵	giá	za ³² , k ^h a ³²	k ^h ra ³⁵	*kraA

Dữ liệu trên đây cho thấy một quang cảnh khá phức tạp. Dữ liệu tiếng Việt hiện đại, tiếng Việt thế kỉ XVII, tiếng Mường, các phương ngữ Cuối đều cho thấy có sự hiện diện của gi (z). Dữ liệu phục nguyên Proto Việt Mường cho thấy có một tổ hợp phụ âm cổ *kr đã tồn tại. Tổ hợp phụ âm này cũng vẫn còn dấu vết ở một phụ âm bật hơi k^h trong tiếng Mường và các phương ngữ Cuối. Và như vậy, quá trình biến đổi có thể dựng lại là: *kr > k^h/gi > gi. Còn sự hiện diện của tr ở các thổ ngữ Bắc Trung Bộ sẽ cần phải xem xét thêm các dữ liệu khác.

Đi tìm lại nguyên của GI, Nguyễn Tài Cẩn cho thấy những từ hiện nay viết với gi như *giời* (trời), *giàu* (trầu), *gianh* (tranh), *giun* (trùn)... lên đến thế kỉ XVII vẫn còn là BL. Quá trình *bl > gi, theo ông, là một quá trình mới xảy ra gần đây và cũng chỉ xảy ra ở Bắc Bộ. Còn ở Trung Bộ và Nam Bộ, *bl chỉ biến đổi thành tr, vì vậy mới có sự tương ứng như *giời* - *trời*, *giời* - *troi*, *giun* - *trùn*... như đã dẫn [2, tr.65]. Và như vậy, tiếng Việt Nghệ Tĩnh đã lưu giữ một quá trình biến đổi đang còn dang dở mới diễn ra cách đây vài thế kỉ của biến thể cổ *bl. Biến thể này đã đi đến cùng ở phương ngữ Bắc thành Gi và không đi đến cùng ở phương ngữ Trung và phương ngữ Nam nên thành tr. Lập luận này cũng phù hợp với những dữ liệu chúng tôi đã dẫn.

Qua kết quả khảo sát đã trình bày ở trên, có thể xác lập quá trình biến đổi lịch sử của các phụ âm đầu đang xét hiện còn lưu tích trong tiếng Nghệ Tĩnh như sau:

	Môi	Đầu lưỡi răng	Đầu lưỡi lợi	Đầu lưỡi quặt	Mặt lưỡi	Gốc lưỡi	Thanh hầu
Tắc	b/*b		d				
	p	t/*tl		*t/t	c/*c	k/*k	?
	*p ^h	*t'/t'				*k ^h	
	m		n		ɲ	ŋ	
Xát	f	s		ʃ		χ	h
	v	z		ʒ/*dz		ʎ	
			r				
			l				

Ghi chú:

→ Quá trình xát hoá → Quá trình xát hoá & hữu thanh hoá

4. Kết luận

Hệ thống phụ âm đầu tiếng Nghệ Tĩnh qua vốn từ vựng trong hai cuốn từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh thực sự đã lưu giữ dấu vết của những biến đổi ngữ âm đã từng diễn ra trong lịch sử tiếng Việt. Hai quá trình xát hoá và xát hoá đi đôi với hữu thanh hoá là hai kiểu biến đổi ngữ âm rất điển hình của các phụ âm đầu tiếng Việt được những từ căn trong tiếng Nghệ Tĩnh lưu giữ. Những dấu vết ấy thể hiện rõ tính chất cổ xưa của vùng phương ngữ này và cấp cho nó một vị trí đặc biệt, có một không hai trong hệ thống các phương ngữ Việt.

Chưa đến mức phải đặt ra vấn đề cần thảo luận lại việc phân vùng phương ngữ nhưng có lẽ về mặt cấp độ, cũng có thể nghĩ đến một vị trí xứng đáng hơn cho vùng phương ngữ Bắc Trung Bộ (mà hạt nhân là tiếng Nghệ Tĩnh) tương đương với Bắc Bộ, với Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Việc phân chia và định danh các vùng phương ngữ như xưa nay vẫn dùng (Phương ngữ Bắc, Phương ngữ Trung, Phương ngữ Nam) có lẽ cũng cần suy nghĩ thêm. Bởi lẽ, ranh giới của cái thực thể gọi là Phương ngữ Trung chỉ tương ứng với vùng Bắc Trung Bộ (bắc đèo Hải Vân), còn vùng Nam Trung Bộ (nam đèo Hải Vân trở vào đến Bình Thuận) lại thuộc về Phương ngữ Nam. Sự bất tương ứng về tên gọi này làm cho hệ thống phân loại trở nên không đẹp và dễ gây những hiểu lầm. Có lẽ một sự điều chỉnh lại về cách gọi 3 vùng với sự tương ứng tương đối về ranh giới địa lý sẽ có tính định danh cao hơn và phù hợp hơn với sự tri nhận vùng không gian của người Việt: phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Bắc Trung Bộ, phương ngữ Nam Trung Bộ và phương ngữ Nam Bộ.

Việc nghiên cứu, mô tả tổng thể đặc trưng của vùng phương ngữ Bắc Trung Bộ nói chung, tiếng Nghệ Tĩnh nói riêng hi vọng sẽ thúc đẩy việc nghiên cứu, ghi lại và bảo tồn các đặc điểm của các phương ngữ cổ trước khi chúng biến mất trong thời kì hiện đại hóa trước cơn lốc đô thị hóa và san bằng phương ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Nhã Bản (chủ biên), *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*, Nxb Văn hoá thông tin, 1999.
2. Nguyễn Tài Cẩn, *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1995.
3. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2004 (Xuất bản lần đầu: *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Nxb KHXH, 1989).
4. Trần Trí Dõi, *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.
5. Trần Trí Dõi, *Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh - lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2011.

6. Nguyễn Văn Khang (chủ biên), *Từ điển Mường - Việt*, Nxb Văn hoá dân tộc, 2012.
7. Vũ Đức Nghiệu, *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.
8. Nguyễn Văn Tài, *Tiếng Mường qua các phương ngôn*, Nxb Từ điển Bách khoa, 2005.
9. Trần Hữu Thung và Thái Kim Định, *Từ điển tiếng Nghệ*, Nxb Nghệ An, 1997.

Tiếng Anh

11. Alves J, Mark and Nguyễn Duy Hương, *Notes on Thanh-Chương Vietnamese in Nghệ-an Province*, Electronic Publication E-2, SEALS VIII, Papers from the 8th Annual Meeting of the Southeast Asian Linguistics Society, 1998, p.1-10.
12. Alves J, Mark, *A Look at North-Central Vietnamese*, Electronic Publication E-4. SEALS XII Papers from the 12th Annual Meeting of the Southeast Asian Linguistics Society (2002), 1-8. ed. Ratree Wayland, John Hartmann, and Paul Sidwell. Pacific Linguistics Research School of Pacific and Asian Studies. The Australian National University.
13. Tran Tri Doi, *Vietnamese tone in Cua Lo (Nghệ An)*, 33rd ICSTLL Ramkhamheng Univ. Bangkok, October 2000, p 28 –31.
14. Felus, Michel, *Some perculiarities of Cuoi Cham, a Vietic language of Nghe-An (Vietnam)*, HAL. Id: halshs-01079521, [http:// halshs.archives-ouvertes.fr/ halshs-01079521](http://halshs.archives-ouvertes.fr/halshs-01079521).
15. Nguyễn Hữu Hoàn, Bùi Thị Ngọc Anh, Hoàng Ngọc Tuệ, *Cuối language description and extensive glossary*, JSEALS Special Publication No. 10, University of Hawai'i Press, 2022.